

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100710 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031597	36CXD5	Nguy n Ng c B o	10/03/1993				3.5			3.5	1.1	0.0	0.0	1.1	
2	3671031054	36CXD5	Nguy n Qu c B ầnh	01/12/1994				5.0			5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
3	3671031017	36CXD5	Nguy n Vinh Ch ấnh	24/11/1987				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
4	3671030984	36CXD5	Nguy n V ấnh	Di p	20/07/1994			6.0			6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
5	3671031038	36CXD5	Nguy n V ấnh	Dung	28/08/1993			3.5			3.5	1.1	2.5	1.8	2.8	
6	3671031032	36CXD5	Nguy n Tr ầ ng	D	23/11/1994			5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
7	3671031015	36CXD5	B ầ i S B	ấ t	18/09/1994			5.5			5.5	1.7	9.0	6.3	8.0	
8	3671030928	36CXD5	ấ ầnh V ấnh	ấ c	05/05/1992			4.5			4.5	1.4	3.0	2.1	3.5	
9	3671030991	36CXD5	Ng ầ V ấnh	H ầ u	24/10/1994			2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
10	3671031012	36CXD5	Ti ầu Trung	H ầ u	21/03/1994			10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
11	3671030904	36CXD5	B ầi Tá Tân	Ho ầnh	16/10/1994			6.5			6.5	2.0	9.0	6.3	8.3	
12	3671031076	36CXD5	L ² Ng c	Huy	28/09/1994			1.0			1.0	0.3	4.0	2.8	3.1	
13	3671030909	36CXD5	Tr ầ n Quang	Huy	20/08/1994			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671031016	36CXD5	V ½ Qu c	Huy	16/09/1994			10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
15	3671031037	36CXD5	Thi u V ấnh	H ầ ng	19/08/1991			3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	N HP
16	3671031041	36CXD5	Ph m Anh	Ki t	10/02/1994			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671031025	36CXD5	T ầ Tr ầ ng	Khang	27/03/1994			7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
18	3671031858	36CXD5	Nguy n H ầ i ấ ầnh	Khoa	28/05/1994			6.5			6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
19	3671031479	36CXD5	Ph m V ấnh	Kh i	18/01/1994			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD5 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100710 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030940	36CXD5	Nguy n Nh t Nh	Khuê	30/01/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
21	3671031050	36CXD5	ấ nh Tu n	Linh	18/08/1994				4.5			4.5	1.4	1.5	1.1	2.4	
22	3671030976	36CXD5	Nguy n Duy	Linh	06/06/1993				6.5			6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
23	3671032019	36CXD5	Nguy n Ng c	Linh	24/10/1993				4.5			4.5	1.4	3.0	2.1	3.5	
24	3671030913	36CXD5	V ấ Ng c	Linh	17/01/1994				5.5			5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
25	3671030906	36CXD5	H Ng c	Long	22/02/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
26	3671030982	36CXD5	Nguy n T n	Long	12/04/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
27	3671031020	36CXD5	Thái Phi	Long	27/06/1993				4.5			4.5	1.4	2.5	1.8	3.1	
28	3671030978	36CXD5	Nguy n Minh	Luân	03/07/1994				4.5			4.5	1.4	1.0	0.7	2.1	
29	3671030937	36CXD5	Lê Minh	M n	20/12/1994				8.0			8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
30	3671030980	36CXD5	Ph m V ấ	Nam	01/04/1992				2.5			2.5	0.8	5.0	3.5	4.3	
31	3671031955	36CXD5	Nguy n Qu c	Nguyên	06/02/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
32	3671031058	36CXD5	Hoàng Minh	Phong	04/12/1994				6.5			6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
33	3671030924	36CXD5	Tr n V ấ	Phúc	28/06/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
34	3671030951	36CXD5	Nguy n Ng c	Ph c	16/03/1994				10.0			10.0	3.0	2.5	1.8	4.8	
35	3671031023	36CXD5	T i	T ấ Ng	20/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
36	3671030927	36CXD5	Hu nh Ng c	Tâm	04/09/1994				7.0			7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	
37	3671031064	36CXD5	Nguy n Ng c	T n	05/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
38	3671030955	36CXD5	Lê Anh	Tu n	09/06/1994				5.5			5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD5 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100710 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031052	36CXD5	Nguy n Ng c	Tu n	01/11/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
40	3671030970	36CXD5	V ấ Đ ấ g	Tu n	07/08/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
41	3671031029	36CXD5	V ấ Vi t	Tuy n	10/02/1994				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
42	3671030986	36CXD5	Tr n V ấ h	T	04/10/1992				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
43	3671030052	36CXD5	V ấ Trí	Th ấ nh	10/10/1994				4.5			4.5	1.4	6.5	4.6	5.9	
44	3671031055	36CXD5	Huynh T n	Thi	10/10/1994				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
45	3671031083	36CXD5	Nguy n Qu c	Th nh	03/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
46	3671030973	36CXD5	Tr n V ấ h	Th ấ ng	13/08/1994				9.3			9.3	2.8	7.0	4.9	7.7	
47	3671030968	36CXD5	L ấ V ấ h	Th a	20/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
48	3671031046	36CXD5	Mai Huynh H u	Trí	06/12/1993				8.0			8.0	2.4	2.8	2.0	4.4	
49	3671030921	36CXD5	Nguy n V ấ h	Tr ng	03/05/1994				3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
50	3671030947	36CXD5	H Nh	Ý	12/10/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	

T ng s : 50 h c sinh sinh vi ấ n

Tp.HCM, ng ấ / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o Vi ấ n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa